

hoc360.net

Thứ năm ngày 24 tháng 10 năm 20..

Tiết 1:

TOÁN

Luyện tập

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết thực hiện gấp một số lên nhiều lần và vận dụng vào giải toán.

2. Kỹ năng

- Biết làm tính nhân số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số.

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi HS lên bảng làm bài. - Năm nay con 9 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi? - Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào. - GV nhận xét, cho điểm.	- 1 HS lên bảng làm bài. - 1 HS trả lời. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Luyện tập Bài 1: - Biết gấp một số lên nhiều lần ta lấy số đó nhân với số lần. Bài 2: - Biết thực hiện phép nhân số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số. Bài 3:	* Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập về gấp một số lên nhiều lần. - Gọi HS đọc đề bài. - Muốn gấp một số lên nhiều lần ta thế nào? - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm bài. - Nhận xét, cho điểm. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm bài. - Nhận xét, cho điểm. - Gọi HS đọc đề bài.	- HS lắng nghe. - Muốn gấp một số lên nhiều lần ta lấy số đó nhân với số lần. - 4 em lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. - 2 HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài của nhau. - 1 HS đọc. - 2 HS đọc bảng nhân 6 và 7. - 3 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm bài vào vở. $\begin{array}{r} 16 \\ \times 2 \\ \hline 32 \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ \times 7 \\ \hline 98 \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ \times 6 \\ \hline 210 \end{array}$ - Lớp nhận xét, sửa sai.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	- Biết tóm tắt và giải bài toán	- Bài toán thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS suy nghĩ tự vẽ sơ đồ và giải bài toán.	- 1 HS đọc. - Bài toán thuộc dạng gấp một số lên nhiều lần. - 2 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm bài vào vở. Tóm tắt <div style="text-align: center;"> $\begin{array}{l} \text{6 bạn} \\ \text{Nam: } \overline{\hspace{1cm}} \\ \text{Nữ: } \underbrace{\hspace{3cm}} \\ \text{? nữ} \end{array}$ </div> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số bạn nữ của buổi tập múa là:</p> $6 \times 3 = 18 \text{ (bạn)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 18 bạn nữ</p>
3'	4. <u>Củng cố</u>	- Chữa bài, nhận xét. - HS suy nghĩ làm bài. - Yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng AB dài 6 cm. - Yêu cầu HS đọc phần b. - Muốn vẽ được đoạn thẳng CD chúng ta phải biết được điều gì? - Hãy tính độ dài của đoạn thẳng CD. - Yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng CD. - Chữa bài, nhận xét. - Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào?	- Lớp nhận xét. - HS suy nghĩ làm bài. - 1 HS nêu cách vẽ trước lớp, sau đó cả lớp cùng vẽ vào vở. - 1 HS đọc: Vẽ đoạn thẳng CD dài gấp đôi (gấp 2 lần) đoạn thẳng AB. - Biết độ dài của đoạn thẳng CD. - Độ dài đoạn thẳng CD là: $6 \times 2 = 12 \text{ (cm)}$ - 1 HS lên bảng vẽ đoạn thẳng CD dài 12 cm. - HS nêu.
1'	5. <u>Dặn dò</u>	- Gọi HS đọc bảng nhân 6 và 7 - GV nhận xét tiết học. - Về nhà luyện tập thêm về gấp một số lên nhiều lần, chuẩn bị bài: Bảng chia 7.	- HS đọc bảng nhân.

Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 20..

Tiết 1:

TOÁN

Bảng chia 7

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Bước đầu thuộc bảng chia 7.
- Vận dụng được phép chia 7 trong giải toán có lời văn (có một phép chia 7).

2. Kỹ năng

- Biết giải bài toán có lời văn bằng một phép chia 7.

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1'	1. Ôn định		
3'	2. Kiểm tra	- Gọi 2 HS lên bảng thực hiện phép tính: 35×6 ; 29×7 - GV nhận xét, cho điểm.	- 2 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào bảng con. - HS nhận xét. - HS lắng nghe.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Lập bảng chia 7 - Dựa vào bảng nhân 7 để lập bảng chia 7 và học thuộc bảng chia 7.	* Trong giờ học toán này các em sẽ dựa vào bảng nhân 7 để thành lập bảng chia 7 và làm các bài tập luyện tập trong bảng chia 7. - Gắn lên bảng 1 tấm bìa có 7 chấm tròn và hỏi: Lấy một tấm bìa có 7 chấm tròn. Vậy 7 lấy 1 lần được mấy? - Hãy nêu phép tính tương ứng với 7 lấy được một lần bằng 7. - GV hỏi: trên tất cả các tấm bìa có 7 chấm tròn, biết mỗi tấm có 7 chấm tròn. Hỏi có bao nhiêu tấm bìa?	- Quan sát và phân tích câu hỏi của GV, sau đó trả lời: 7 lấy 1 lần được 7. - HS viết phép tính $7 \times 1 = 7$. - Có 1 tấm bìa. - Phép tính $7 : 7 = 1$.

<p>13-15'</p>	<p>c.Học thuộc lòng bảng chia 7</p> <p>d.Luyện tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phép tính $7 : 7 = 1$ - Yêu cầu HS đọc phép nhân và phép chia vừa lập được. - Gắn lên bảng 2 tấm bìa hỏi: Mỗi tấm bìa có 7 chấm tròn. Hỏi 2 tấm bìa như thế có tất bao nhiêu chấm tròn? - Hãy lập phép tính để tìm số chấm tròn có trong cả hai tấm bìa. - Tại sao em lại lập được phép tính này? - Trên tất cả các tấm bìa có 14 chấm tròn, biết mỗi tấm bìa có 7 chấm tròn. Hỏi có tất cả bao nhiêu tấm bìa? - Hãy lập phép tính để tìm số tấm bìa. - Vậy 14 chia 7 bằng mấy? - GV viết lên bảng phép tính $14 : 7 = 2$ - Tiến hành tương tự các phép tính còn lại. - Có thể xây dựng bảng chia bằng cách cho phép nhân và yêu cầu HS viết phép chia dựa vào phép nhân đã cho nhưng có số chia là 7. - Yêu cầu cả lớp nhìn bảng đọc đồng thanh bảng chia 7 - HS tìm điểm chung của các phép tính chia trong bảng chia 7 - Em có nhận xét gì về kết quả của các phép chia trong bảng chia 7? - Em có nhận xét gì về các số bị chia trong bảng chia 7. - Yêu cầu HS tự học thuộc lòng bảng chia 7. - Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng bảng chia 7 - GV nhận xét, tuyên dương. - Cả lớp đọc đồng thanh bảng chia 7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc đồng thanh: 7 nhân 1 bằng 7, 7 chia 7 bằng 1. - Mỗi tấm bìa có 7 chấm tròn. Vậy 2 tấm bìa như thế có 14 chấm tròn. - HS lập phép tính: $7 \times 2 = 14$. - Vì mỗi tấm bìa có 7 chấm tròn, lấy 2 tấm bìa tất cả, vậy 7 được lấy 2 lần, nghĩa là 7×2. - Có tất cả 2 tấm bìa. - $14 : 7 = 2$(tấm bìa). - $14 : 7 = 2$ - HS đọc: 7 nhân 2 bằng 14 14 chia 7 bằng 2 - Cả lớp đọc. - Các phép chia trong bảng chia 7 đều có dạng một số chia cho 7. - Các kết quả lần lượt là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. - Số bắt đầu được lấy để chia cho 7 là 7, sau đó là số 14, số 21, 28, . . . 70. Đây chính là dãy số đếm thêm 7, bắt đầu từ số 7. - Tự học thuộc lòng bảng chia 7 - HS thi giữa các tổ.
---------------	--	--	--

<p>3'</p> <p><u>4. Củng cố</u></p>	<p>Bài 1: - Biết tính nhẩm.</p> <p>Bài 2: - Biết cách tính nhẩm.</p> <p>Bài 3: - Biết tóm tắt rồi giải bài toán.</p> <p>Bài 4: - Biết tóm tắt rồi giải bài toán.</p>	<p>- Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS nối tiếp nhau nêu miệng kết quả của từng phép tính. - GV nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm.</p> <p>- Khi đã biết $7 \times 5 = 35$ có thể ghi ngay kết quả của $35 : 7$ và $35 : 5$ được không? Vì sao?</p> <p>- Nhận xét, cho điểm.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán cho biết những gì? - Bài toán hỏi gì? - Yêu cầu HS làm vào vở, gọi HS lên bảng làm. Tóm tắt 7 hàng : 65 học sinh Mỗi hàng: . . . học sinh?</p> <p>- GV nhận xét, cho điểm. - Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán cho biết những gì? - Bài toán hỏi gì? - Yêu cầu HS làm vào vở, gọi HS lên bảng làm.</p> <p>- GV nhận xét, cho điểm. - Gọi HS đọc thuộc lòng bảng chia 7.</p>	<p>- Cả lớp đọc. - 1 HS đọc. - HS nối tiếp nhau nêu miệng kết quả.</p> <p>- 1 HS đọc. - 4 HS lên bảng làm. $7 \times 5 = 35$ $7 \times 6 = 42$ $35 : 7 = 5$ $42 : 7 = 6$ $35 : 5 = 7$ $42 : 6 = 7$ $7 \times 2 = 14$ $7 \times 4 = 28$ $14 : 7 = 2$ $28 : 7 = 4$ $14 : 2 = 7$ $28 : 4 = 7$</p> <p>- Lớp nhận xét, sửa sai. - Khi đã biết $7 \times 5 = 35$ có thể ghi ngay kết quả của $35 : 7 = 5$ và $35 : 5 = 7$, vì nếu lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia. - HS giải thích các phép tính còn lại. - 1 HS đọc. - HS trả lời.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Số HS mỗi hàng có là: $56 : 7 = 8$ (HS) Đáp số: 8 HS.</p> <p>- Nhận xét. - 1 HS đọc. - HS trả lời.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm. Bài giải Số hàng xếp được là: $56 : 7 = 8$ (hàng) Đáp số: 8 hàng.</p> <p>- Lớp nhận xét. - HS đọc.</p>
---	--	---	--

1'	5. Dẫn dò	<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét tiết học.- Về nhà đọc thuộc lòng bảng chia 7, chuẩn bị bài sau: Luyện tập.	
----	------------------	---	--

hoc360.net

Tuần 8

Thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 20..

Tiết 1:

CHÀO CỜ

Tiết 2:

TOÁN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Thuộc bảng chia 7 và vận dụng được phép chia 7 trong giải toán.
- Biết xác định $\frac{1}{7}$ của 1 số hình đơn giản

2. Kỹ năng

- Giải được bài có lời văn bằng một phép tính chia.

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng chia 7. Hỏi về kết quả của một phép chia bất kì trong bảng.	- 2 HS đọc bảng chia 7. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Luyện tập Bài 1: - Biết cách tính nhẩm. Bài 2: - Biết cách chia.	- GV nhận xét cho điểm. * Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập bảng chia 7. - Gọi HS đọc đề bài. - HS suy nghĩ và tự làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm. - Khi đã biết $7 \times 8 = 56$, có thể ghi ngay kết quả của $56 : 7$ được không, vì sao? - HS đọc từng cặp phép tính trong bài. - Cho HS tự làm tiếp phần b). - Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài vào vở,	- HS lắng nghe. - 1 HS đọc. - 4 HS lên bảng làm bài. - Khi đã biết $7 \times 8 = 56$, có thể ghi ngay kết quả của $56 : 7$ vì nếu lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia. - HS nối tiếp nhau đọc từng cặp phép tính. - HS làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - 1 HS đọc. - 3 HS lên bảng làm bài, nêu cách thực hiện phép

	<p>Bài 3: - Biết cách giải bài toán đơn.</p> <p>Bài 4: - Biết tìm $\frac{1}{7}$ số con mèo ở mỗi hình.</p> <p>4. <u>Củng cố</u></p> <p>5. <u>Dặn dò</u></p>	<p>gọi HS lên bảng làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét. - Gọi 1 HS đọc đề bài. - HS suy nghĩ và tự làm bài. <p>- Tại sao để tìm số nhóm em lại thực hiện phép chia 35: 7?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, cho điểm. - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Hình a) có tất cả bao nhiêu con mèo? - Muốn tìm một phần bảy số con mèo có trong hình a) ta phải làm như thế nào? - Hướng dẫn HS khoanh tròn vào 3 con mèo trong hình a). -Tiến hành tương tự với phần b - GV nhận xét, sửa sai. - Muốn tìm một phần mấy của một số ta làm thế nào? - Gọi HS đọc lại bảng chia 7. - GV nhận xét tiết học. - GV nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài sau: Giảm một đi nhiều lần. 	<p>chia của mình.</p> $\begin{array}{r l} 28 & 7 \quad 35 \\ 28 & 4 \quad 35 \\ 0 & \quad 0 \end{array} \quad \begin{array}{r l} 7 & 21 \\ 5 & 21 \\ 0 & \quad 0 \end{array} \quad \begin{array}{r l} 7 & 7 \\ 3 & 3 \\ 0 & 0 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Lốp nhận xét, sửa sai. - 1 HS đọc. - 1 HS lên bảng làm. <p>Bài giải Số nhóm chia được là: $35 : 7 = 5$ (nhóm) Đáp số: 5 nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì có tất cả 35 HS, chia đều thành các nhóm mỗi nhóm có 7 HS. Như vậy số nhóm chia được bằng tổng số HS chia cho số HS của một nhóm. - 1 HS đọc. - Tìm một phần bảy số con mèo trong mỗi hình sau. - Hình a) có tất cả 21 con mèo. - Một phần bảy số con mèo trong hình a) là: $21 : 7 = 3$ (con mèo). - Khoanh tròn vào 3 con mèo trong hình a). - Khoanh tròn vào 2 con mèo trong hình b). - HS nêu. - 2 HS đọc.
--	--	--	--

Thứ ba ngày 29 tháng 10 năm 20..

Tiết 1:

TOÁN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết thực hiện giảm đi một số lần. Vận dụng để giải các bài toán có liên quan.
- Biết phân biệt giảm đi một số đơn vị với giảm một số lần.

2. Kỹ năng

- HS vận dụng cách thực hiện giảm một số đi nhiều lần để giải các bài tập

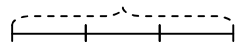

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bộ đồ dùng dạy học

III. Các hoạt động dạy - học

T G	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi HS lên bảng làm bài. Đặt tính và thực hiện phép tính: $42 : 7 ; 42 : 6 ; 25 : 5 ; 48 : 7$ - Nhận xét, cho điểm.	- 4 HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào bảng con. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. HD thực hiện giảm một số đi nhiều lần - Biết giảm một số đi nhiều lần ta lấy số đó chia cho số lần	* Giờ học hôm nay chúng ta được học kiến thức mới qua bài giảm một số đi một số lần. - Nêu bài toán SGK. - Hàng trên có mấy con gà? - Số gà hàng dưới như thế nào so với số gà hàng trên? - Hướng dẫn HS vẽ sơ đồ: + Vẽ đoạn thẳng thể hiện số gà hàng trên. Chia đoạn thẳng thành 3 phần bằng nhau. Khi giảm số gà hàng trên đi 3 lần thì còn lại mấy phần? + Vẽ đoạn thẳng thể hiện số gà hàng dưới là 1 phần. - Yêu cầu HS suy nghĩ và tính số	- HS lắng nghe. - 1HS đọc lại đề toán. - Hàng trên có 6 con gà. - Số gà hàng trên giảm đi 3 lần thì bằng số gà hàng dưới. - HS theo dõi GV vẽ sơ đồ. + Số g hàng trên đang là 3 phần, giảm đi 3 lần thì được 1 phần. Tóm tắt Hàng trên:  6 con Hàng dưới:  ? con - Số gà hàng dưới là: $6 : 3 = 2$ (con gà)

			<p>Làm máy: $\frac{1}{5}$? giờ</p> <p>Bài giải Thời gian làm công việc đó bằng máy là: $30 : 5 = 6$ (giờ) Đáp số: 6 giờ</p>
	<p>Bài 3: -Biết cách vẽ đoạn thẳng theo số đo đã cho.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - Muốn vẽ đoạn thẳng CD và MN ta phải biết gì? -Yêu cầu HS tính độ dài đoạn thẳng CD và MN. - Gọi HS lên bảng vẽ hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc. - ta phải biết được độ dài của mỗi đoạn thẳng là bao nhiêu cm. - HS tính : Đoạn thẳng CD: $8 : 4 = 2$(cm) Đoạn thẳng MN: $8-4 =4$(cm) - 1 HS lên vẽ hình. - 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - HS nhận xét. - HS nêu.
3'	4.Củng cố	<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, cho điểm. - Vậy muốn giảm một số đi nhiều lần ta làm như thế nào? - Nhận xét tiết học. 	
1'	5.Dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà ôn lại bài,chuẩn bị bài sau : Luyện tập. 	

Thứ tư ngày 30 tháng 10 năm 20..

Tiết 1:

TOÁN LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu

1.Kiến thức

- Biết thực hiện gấp một số lên nhiều lần và giảm một số đi một số lần.

2.Kỹ năng

- Vận dụng kiến thức để làm bài tập có liên quan.

3.Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II.Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1'	1.Ôn định		
3'	2.Kiểm tra	- Muốn giảm một số đi nhiều	- HS nêu.

<p>32'</p>	<p>3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Luyện tập Bài 1: - Biết vận dụng qui tắc để làm bài.</p> <p>Bài 2: - Biết tóm tắt và giải bài toán có lời văn.</p> <p>Bài 3: - Biết đo độ dài</p>	<p>lần ta làm thế nào? - Nhận xét, cho điểm. *Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập về giảm đi một số lần.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài. - Viết lên bảng bài mẫu:</p> <div style="text-align: center;"> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 5px;">6</td> <td style="padding: 5px;">→ gấp 5 lần →</td> <td style="padding: 5px;">30</td> <td style="padding: 5px;">→ giảm 6 lần →</td> <td style="padding: 5px;">5</td> </tr> </table> </div> <p>- 6 gấp 5 lần bằng bao nhiêu? - Vậy viết 30 vào ô trống thứ hai. - 30 giảm đi 6 lần được mấy? - Vậy điền 5 vào ô trống thứ 3 - Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại của bài. - Chữa bài, nhận</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài phần a. - Buổi sáng cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu? - Số lít dầu bán được buổi chiều như thế nào so với buổi sáng?</p> <p>- Bài toán hỏi gì? - Muốn tính số lít dầu bán được trong buổi chiều ta làm như thế nào? - Yêu cầu HS tự vẽ sơ đồ và giải bài toán.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài.</p>	6	→ gấp 5 lần →	30	→ giảm 6 lần →	5	<p>- HS nhận xét. - HS lắng nghe. - 1 HS đọc. - 6 gấp 5 lần bằng 30. - 30 giảm đi 6 lần được 5. - 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở. - 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - 1 HS đọc. - Buổi sáng cửa hàng bán được 60 lít dầu. - Số lít dầu bán được trong buổi giảm đi 3 lần so với buổi sáng. - Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu? - Muốn tính số lít dầu bán được trong buổi chiều ta lấy số lít dầu bán được trong buổi sáng chia cho 3. - 2 lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>a) Buổi chiều cửa hàng bán được là: $60 : 3 = 20$ (l) Đáp số: 20 lít dầu</p> <p>b) Số quả cam còn lại trong rổ là: $60 : 3 = 20$ (quả) Đáp số: 20 quả cam</p> <p>- Lớp nhận xét. - HS đọc. - Độ dài đoạn thẳng AB là</p>
6	→ gấp 5 lần →	30	→ giảm 6 lần →	5				

3'	đoạn thẳng và vẽ được độ dài đoạn thẳng khác	- HS thực hành đo độ dài đoạn thẳng AB. - Vậy giảm độ dài AB đi 5 lần thì được bao nhiêu cm? - Yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng MN dài 2cm.	10cm. - Giảm độ dài AB đi 5 lần là: $10\text{cm} : 5 = 2\text{ (cm)}$. - Vẽ đoạn thẳng dài 2cm đặt tên là MN.
1'	4.Củng cố	- Nhận xét, cho điểm. - Gấp một số lên nhiều lần và giảm một số đi nhiều lần ta làm thế nào? Cho ví dụ?	- HS nêu.
	5.Dẫn dò	- Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài: Tìm số chia.	

Tiết 1: Thứ năm ngày 31 tháng 10 năm 20..

TOÁN
TÌM SỐ CHIA

I.Mục tiêu

1.Kiến thức

- Biết tên gọi của các thành phần trong phép chia.

2.Kỹ năng

- Biết tìm số chia chưa biết.

3.Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II.Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phân màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1'	1.Ôn định		
3'	2.Kiểm tra	- Gọi 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào bảng con: - Giảm 35 đi 5 lần, sau đó gấp số vừa tìm lên 4 lần. - Gấp 6 lên 6 lần, sau đó giảm số vừa tìm đi 2 lần.	- HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét.
32'	3.Bài mới a.Giới thiệu bài	- Nhận xét, cho điểm. * Giờ học hôm nay chúng ta được học kiến thức mới Tìm số chia - Nêu bài toán 1: Có 6 ô vuông, chia đều thành 2 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao	- HS lắng nghe. - Mỗi nhóm có 3 ô vuông.

<p>b.HD tìm số chia - Biết tên gọi và các thành phần trong phép chia.</p> <p>- Biết tìm số chia chưa biết.</p> <p>b.Luyện tập Bài 1: - Biết cách tính nhẩm.</p> <p>Bài 2: - Biết vận dụng qui tắc để tìm số chia.</p>	<p>nhiều ô vuông? - Hãy nêu phép tính để tìm số ô vuông có trong mỗi nhóm. - Hãy nêu tên gọi của thành phần và kết quả trong phép chia $6 : 2 = 3$ - Nêu bài toán 2:Có 6 ô vuông, chia đều thành các nhóm, mỗi nhóm có 3 ô vuông. Hỏi chia được mấy nhóm như thế. - Hãy nêu phép tính tìm số nhóm chia được. -Vậy số nhóm là 2 vì $6: 3 = 2$ - Hãy nhắc lại: - 2 là gì trong phép chia $6 : 2 = 3$? - 6 và 3 là gì trong phép chia $6 : 2 = 3$? - Vậy số chia trong phép chia bằng số bị chia chia cho thương. - Viết lên bảng $30 : x = 5$ và hỏi x là gì trong phép chia trên? - Yêu cầu HS suy nghĩ để tìm số chia x. - Hướng dẫn HS trình bày. $30 : x = 5$$x = 30 : 5$$x = 6$ - Vậy, trong phép chia hết muốn tìm số chia ta làm như thế nào? - Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán yêu cầu tính gì? -Yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc ngay kết quả của từng phép tính. - Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - HS nêu cách tìm số bị chia, số chia. - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm.</p>	<p>-Phép chia $6 : 2 = 3$(ô vuông) - Trong phép chia $6 : 2 = 3$ thì 6 là số bị chia, 2 là số chia, 3 là thương. - Chia được 2 nhóm như thế.</p> <p>- Phép chia $6 : 3 = 2$ (nhóm) - 2 HS nhắc lại. - 2 là số chia. - 6 là số bị chia còn 3 là thương. - HS nghe và nhắc lại.</p> <p>- x là số chia trong phép chia. - Số chia $x = 30 : 5 = 6$. - Theo dõi.</p> <p>- Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương. - 1 HS đọc. -Bài toán yêu cầu tính nhẩm. - HS nối tiếp nhau đọc ngay kết quả của từng phép tính.</p> <p>- 1 HS đọc. - HS nêu. - 4 HS lên bảng làm bài. $12 : x = 2$ $42 : x = 6$ $x = 12 : 2$ $x = 42 : 6$</p>
---	--	---

3'	<u>4.Củng cố</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, cho điểm. - Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta làm như thế nào? - Nêu tên gọi các thành phần của phép chia. - Nhận xét tiết học. 	$x = 6$ $36 : x = 4$ $x = 36 : 4$ $x = 9$ $x = 7$ $x : 5 = 4$ $x = 4 \times 5$ $x = 20$ <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS ngồi cạnh nhau đổi vở để kiểm tra bài của nhau. - HS nêu.
1'	<u>5.Dẫn dò</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài: Luyện tập. 	

Thứ sáu ngày 1 tháng 11 năm 20..

Tiết 1:

TOÁN
LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết tìm một thành phần chưa biết của phép tính.
- Biết làm tính nhân (chia) số có hai chữ số(cho) số có một chữ số

2. Kỹ năng

- Biết làm tính nhân (chia) số có hai chữ số(cho) số có một chữ số

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào bảng con. $42 : x = 6; \quad x \times 7 = 70;$ $27 : x = 3$	- 3 HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Luyện tập Bài 1. - Biết tìm thành phần chưa biết của phép tính.	- GV nhận xét, cho điểm. * Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập cách tìm số chia chưa biết - 1 HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS nêu cách tìm số hạng, số bị trừ, số trừ, số bị chia, số chia, thừa số chưa biết. - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm. - Nhận xét, cho điểm.	- HS lắng nghe. - 1 HS đọc. - HS nêu cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính. - 6 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở. $x + 12 = 36 \quad x \times 6 = 30$ $x = 36 - 12 \quad x = 30 : 6$ $x = 24 \quad x = 5$ $x - 25 = 15 \quad x : 7 = 5$ $x = 15 + 25 \quad x = 5 \times 7$ $x = 40 \quad x = 35$ $80 - x = 30 \quad 42 : x = 7$ $x = 80 - 30 \quad x = 42 : 7$ $x = 50 \quad x = 6$ - Lớp nhận xét, sửa sai. - 1 HS đọc. - 4 HS lên bảng làm bài, nêu cách thực hiện phép chia của mình.
	Bài 2: - Biết thực hiện phép nhân, chia số có 2 chữ số	- 1 HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài vào vở, gọi HS lên bảng làm.	

	cho số có 1 chữ số.		$\begin{array}{r} 35 \\ \times 2 \\ \hline 70 \end{array}$ $\begin{array}{r} 26 \\ \times 4 \\ \hline 102 \end{array}$ $\begin{array}{r} 64 \\ \times 6 \\ \hline 04 \end{array}$ $\begin{array}{r} 2 \\ \times 8 \\ \hline 16 \end{array}$ $\begin{array}{r} 80 \\ \times 4 \\ \hline 320 \end{array}$
	Bài 3: - Biết tóm tắt và giải bài toán đơn	- Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - HS tự làm bài.	- Lớp nhận xét, sửa sai. - 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - 1 HS đọc. - 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.
3'	<u>4.Củng cố</u>	- Nhận xét, cho điểm. - Hãy nêu cách tìm một trong các phần bằng nhau của một số. - Nêu cách tìm số hạng, số bị trừ, số trừ, số bị chia, số chia, thừa số chưa biết ? - Hãy nêu cách tìm một trong các phần bằng nhau của một số.	<p>Bài giải</p> <p>Số lít dầu còn lại là:</p> $36 : 3 = 12 \text{ (lít)}$ <p>Đáp số : 12 lít dầu</p>
1'	<u>5.Dặn dò</u>	- Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài, chuẩn bị sau : Góc vuông, góc không vuông.	- Muốn tìm một trong các phần bằng nhau của một số ta lấy số đó chia cho số phần bằng nhau. - HS nêu.

Tuần 9

Thứ hai ngày 4 tháng 11 năm 20..

Tiết 1:

CHÀO CỜ

Tiết 2:

TOÁN

GÓC VUÔNG GÓC KHÔNG VUÔNG

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Bước đầu có biểu tượng về góc, góc vuông, góc không vuông.

2. Kỹ năng

- Biết sử dụng ê ke để nhận biết góc vuông, góc không vuông và vẽ được góc vuông (theo mẫu).

3. Thái độ

- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bộ đồ dùng dạy học.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- Gọi HS lên bảng làm bài $x : 7 = 8$; $63 : x = 7$; $x \times 5 = 40$ - GV nhận xét, cho điểm.	- 3 HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Làm quen với góc	* Giờ học hôm nay chúng ta làm quen với một kiến thức mới đó là bài góc vuông và góc không vuông. - Yêu cầu HS quan sát đồng hồ thứ nhất trong phần bài học. - GV: Hai kim trong các mặt đồng hồ trên có chung một điểm gốc, ta nói hai kim đồng hồ tạo thành một góc. - Yêu cầu HS quan sát tiếp đồng hồ thứ hai, ba. - Vẽ lên bảng các hình vẽ về góc gần như các góc tạo bởi hai kim trong mỗi đồng hồ. * Góc được tạo bởi hai cạnh có chung một gốc. Góc thứ nhất có hai cạnh là OA và OB; góc thứ	- HS lắng nghe. - HS quan sát. - Quan sát và nhận xét: hai kim của đồng hồ có chung một điểm gốc, vậy hai kim đồng hồ này cũng tạo thành một góc.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	<p>c. Giới thiệu góc vuông và góc không vuông</p> <p>d. Giới thiệu ê ke</p> <p>e. Luyện tập Bài 1: - Biết dùng ê ke để vẽ và kiểm tra góc vuông</p>	<p>hai có hai cạnh là DE và DG</p> <p>- Yêu cầu HS nêu các cạnh của góc thứ ba (thực chất là góc tạo thành bởi hai cạnh).</p> <p>- Điểm chung của hai cạnh tạo thành góc gọi là đỉnh của góc. Góc thứ nhất có đỉnh là đỉnh O, góc thứ hai có đỉnh là D, góc thứ ba có đỉnh là P.</p> <p>- Cho HS đọc tên các góc. Góc đỉnh O; cạnh OA, OB</p> <p>- Vẽ lên bảng một góc vuông (như trong SGK) và giới thiệu: Đây là góc vuông.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu tên đỉnh, các cạnh tạo thành của góc vuông AOB.</p> <p>- Vẽ hai góc MPN; CED lên bảng và giới thiệu: Góc MPN và góc CED là góc không vuông.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu tên đỉnh, các cạnh của từng góc.</p> <p>- GV cho HS cả lớp quan sát ê ke loại to và hỏi:</p> <p>- Thước ê ke là hình gì?</p> <p>- Thước ê ke có mấy cạnh và mấy góc?</p> <p>- Tìm góc vuông trong ê ke.</p> <p>- Hai góc còn lại có vuông không?</p> <p>- Thước ê ke dùng để làm gì?</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Cho HS dùng ê ke để kiểm tra trực tiếp 4 góc của hình chữ nhật (SGK) có là góc vuông hay không GV hướng dẫn tỉ mỉ cách cầm ê ke để kiểm tra từng góc. Sau đó đánh dấu từng góc (theo mẫu).</p> <p>- Hướng dẫn HS dùng ê ke để vẽ</p>	<p>- Hai cạnh của góc thứ ba là PM và PN.</p> <p>- HS nêu lại đỉnh các góc.</p> <p>- HS đọc tên các góc còn lại.</p> <p>- Góc vuông đỉnh là O, cạnh là OA và OB.</p> <p>- Góc đỉnh D; cạnh là DC và DE. Góc đỉnh P; cạnh là MP và NP.</p> <p>- Hình tam giác.</p> <p>- Thước ê ke có 3 cạnh và 3 góc.</p> <p>- HS quan sát và chỉ vào góc vuông trong ê ke của mình.</p> <p>- Hai góc còn lại là hai góc không vuông.</p> <p>- Thước ê ke dùng để kiểm tra góc vuông, góc không vuông và để vẽ góc vuông.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- Thực hành dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.</p> <p>- HS theo dõi GV hướng dẫn</p>

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
		<p>góc vuông có đỉnh O, hai cạnh OA, OB.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt đỉnh góc vuông của ê ke trùng với đỉnh O. Vẽ cạnh OA, OB theo cạnh của ê ke, ta được góc vuông đỉnh O, cạnh OA và OB. 	<p>và làm theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vẽ góc vuông đỉnh M, cạnh MC và MD vào vở. - 1 HS đọc. - HS quan sát hình.
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu tên được đỉnh và cạnh góc vuông 	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS quan sát hình để biết hình nào là góc vuông, hình nào là góc không vuông. - Cho HS nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: góc vuông đỉnh A, cạnh AD, AE; góc không vuông đỉnh B, cạnh BG, BH; Góc không vuông đỉnh C, cạnh CI, CK. - 1 HS đọc. - Tự kiểm tra, sau đó trả lời. - Các góc vuông trong hình có đỉnh là: đỉnh M, Q; các góc không vuông trong hình có đỉnh là: đỉnh N, P.(cạnh của các góc có thể trùng nhau).
3'	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết góc vuông và không vuông <p>4.Củng cố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Hình bên có bao nhiêu góc? - Yêu cầu HS dùng ê ke để kiểm tra từng góc. - Có mấy góc vuông? - Vây em khoanh vào đâu? - Gọi một vài HS lên bảng đo góc vuông, góc không vuông. - Nêu tên đỉnh và cạnh góc vuông 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc. - Hình bên có 6 góc. - HS dùng ê ke để kiểm tra từng góc. - Có 4 góc vuông. - Khoanh vào D - Một vài HS lên bảng đo.
1'	<p>5.Dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài: Thực hành nhận biết và vẽ góc vuông bằng ê ke. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu.

Thứ ba ngày 5 tháng 11 năm 20..

Tiết 1: **TOÁN**

THỰC HÀNH NHẬN BIẾT VÀ VẼ GÓC VUÔNG BẰNG Ê KE

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết cách dùng ê ke để kiểm tra, nhận biết góc vuông, góc không vuông.
- Biết vẽ góc vuông trong trường hợp đơn giản.

2. Kỹ năng

- Nhận biết góc và vẽ góc vuông nhanh, chính xác.

3. Thái độ


- HS tích cực học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài.

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng phụ, phấn màu, giấy.

III. Các hoạt động dạy - học

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1' 3'	1. Ôn định 2. Kiểm tra	- GV vẽ một số hình lên bảng và yêu cầu HS lên bảng dùng ê ke kiểm tra và đánh dấu các góc vuông có trong mỗi hình.	- 3 HS lên bảng làm bài. - HS nhận xét.
32'	3. Bài mới a. Giới thiệu bài b. Luyện tập Bài 1: - Biết cách vẽ góc vuông. Bài 2: - Biết dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.	- GV nhận xét, cho điểm. * Giờ học hôm nay chúng ta đi thực hành nhận biết và vẽ góc vuông. - Gọi HS đọc đề bài. - Hướng dẫn HS thực hành vẽ góc vuông đỉnh O: Đặt đỉnh góc vuông của ê ke trùng với O và một cạnh góc vuông của ê ke trùng với cạnh đã cho. Vẽ cạnh còn lại của góc theo cạnh còn lại của góc vuông ê ke. Ta được góc vuông đỉnh O, cạnh ON, OM. - GV theo dõi hướng dẫn HS. - Yêu cầu HS kiểm tra bài của nhau. - Chữa bài, nhận xét. - Gọi HS đọc đề bài. - Bài tập yêu cầu gì?	- HS lắng nghe. - 1 HS đọc. - Thực hành vẽ góc vuông đỉnh O theo hướng dẫn và tự vẽ các góc vuông đỉnh A, B còn lại. - 2 HS ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - 1 HS đọc. - Dùng ê ke để kiểm tra mỗi hình sau có mấy góc vuông?

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
		<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở và trả lời. - Nhận xét, cho điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thứ nhất có 4 góc vuông, hình thứ hai có 2 góc vuông. <div style="text-align: center;">  </div>
3'	<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận Biết được góc vuông. <p>4. <u>Củng cố</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ và tưởng tượng xem mỗi hình A, B được ghép từ hình nào. - Sau đó dùng các miếng ghép để kiểm tra lại. - Nhận xét. - Gọi một vài HS lên kẻ và kiểm tra lại góc vuông, góc không vuông. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc. - HS nêu: Hình A được ghép từ hình 1 và hình 4. - Hình B được ghép từ hình 2 và hình 3. - HS tự kiểm tra lại. - 2 HS lên bảng kẻ.
1'	<p>5. <u>Dặn dò</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - Về nhà tập vẽ góc vuông và góc không vuông, chuẩn bị bài: Đề-ca-mét – Héc- tô- mét 	

TOÁN

Tiết 43:

ĐỀ – CA – MÉT * HÉC – TÔ - MÉT

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết được tn gọi, kí hiệu của đề-ca-mét v Hc-tô-mét.
- Nắm được quan hệ giữa đề-ca-mét v Hc-tô-mét.

2. Kỹ năng:

- Biết đổi từ đề-ca-mét, Hc-tô-mét ra mét.
- Biết đổi từ hm racác đơn vị nhỏ hơn thành thạo.

3. Thái độ.

II. Đồ dùng.

- GV: Bảng phụ , phấn màu.
- HS : SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- GV vẽ một số hình lên bảng v Y/c HS lên bảng dùng ke kiểm tra v đánh dấu các góc vuông có trong mỗi hình.	-HS lên bảng làm -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	- GV nhận xét bài cũ. * Giờ học hôm nay chúng ta học thêm một đơn vị đo độ dài tiếp đó là: Đề-ca-mét – Hc-tô-mét	-HS lắng nghe
12-13'	2. Giới Thiệu Đề – ca mét, Hc – tô – mét - Biết được tn gọi, kí hiệu của đamy hm quan hệ giữa đamy hm .Đổi từ dam, hm ra mét.	-Cho HS ôn lại các đơn vị đo độ dài đ học. - Các em đ được học các đơn vị đo độ dài nào? - Đề-ca-mét l một đơn vị đo độ dài. Đề-ca-mét kí hiệu l dam. - Độ dài của 1 dam bằng độ dài của 10m. (1dam=10m) - Hc-tô-mét cũng l một đơn vị đo độ dài. Hc-tô-mét kí hiệu l hm. - Độ dài của 1 hm bằng độ dài của 100m v bằng độ dài của 10 dam. (1hm=100m 1hm= 10dam)	- Mi - li mét, xăng- ti- mét, đề-xi- mét, mét, ki- lơ- mét. - Đọc : đề-ca-mét. - Đọc : 1 đề-ca-mét bằng 10 mét. - Đọc : hc-tô-mét. - Đọc : hc-tô-mét bằng 100 mét. 1 hc-tô-mét bằng 10 đề-ca-mét. - 1 hm bằng 100m. - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. 1 hm = 100 m
	3.Luyện tập Bài 1. -Biết cách đổi từ đơn vị lớn sang	- Viết lên bảng 1 hm = . . . v hỏi: 1 hm bằng bao nhiêu mét? - Vậ điền 100 vào chỗ chấm. - Y/c HS tự làm tiếp bài.	

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
14-15'	<p>đơn vị nhỏ v nhược lại</p> <p><u>Bài 2.</u> -Biết cách đổi từ đơn vị lớn sang đơn vị nhỏ</p>	<p>-Cho HS tự làm rồi lên bảng chữa</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Viết lên bảng 4 dam = . . . m - Y/c HS suy nghĩ để tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm v giải thích tại sao mình lại điền số đó. + 1 dam bằng bao nhiêu mét? + 4 dam gấp mấy lần so với 1 dam? + Vậy màuôm Biết 4 dam dài bằng bao nhiêu mét ta lấy 10m x 4=40m - Y/c HS làm các nội dung còn lại của cột thứ nhất, sau đó chữa bài. - Viết lên bảng 8 hm = . . . m - Hỏi: 1 hm bằng bao nhiêu mét? - 8 hm gấp mấy lần so với 1 hm? - Vậy để tìm 8 hm bằng bao nhiêu mét ta lấy 100 m x 8 = 800 m. ta điền 800 vào chỗ chấm. - Y/c HS làm tiếp các phần còn lại.</p>	<p>1 m = 10dm 1 dam = 10m 1 m = 100cm 1 hm = 10dam 1 cm = 10mm 1 km = 100 m 1 m = 1000mm</p> <p>+ 1 dam bằng 10 m + 4 dam gấp 4 lần 1 dam. - 1 hm bằng 100m - Gấp 8 lần. - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. 4 dam = 40 m 8 hm= 800 m 7 dam = 70 m 7 hm =700 m 9 dam = 90 m 9 hm= 900 m 6 dam =90 m 5 hm = 500 m</p> <p>-HS lên bảng chữa -HS nhận xét bài của bạn</p>
2-3'	<p><u>Bài 3.</u> -Biết cách cộng trừ các số có đơn vị đo độ dài</p> <p><u>4.Củng cố dẫn di</u></p>	<p>- Y/c HS đọc mẫu, tự làm bài. - Chữa bài, nhận xét v cho điểm HS . Lưu ý HS nhớ viết tn đơn vị đo sau kết quả tính.</p> <p>-Hỏi HS tn 2 đơn vị vừa học v - Chuẩn bị bài : Bảng đơn vị đo độ dài. - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. 2 dam + 3 dam = 5 dam 25dam + 50 dam = 75 dam 8 hm + 12 hm = 20 hm 36 hm + 18 hm = 54 hm -HS tự làm rồi lên bảng chữa -HS khác nhận xét -HS nêu tn</p>

TOÁN

Tiết 44: **BẢNG ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI**

I. Mục tiêu.

1.Kiến thức:

- Bước đầu thuộc bảng đơn vị đo độ dài theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến nhỏ.

- Biết mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài thông dụng(km v m ; m v mm).

2. Kỹ năng:

- Biết làm các phép tính với các số đo độ dài.
- Biết đổi các số đo từ đơn vị lớn sang đơn vị nhỏ nhanh, thành thạo.

3. Thái độ.

- Giao dục HS yêu thích v ham học toán, tính cặn thận chính xác .

II. Đồ dùng.

- GV: Bảng phụ có kẻ sẵn các định các cột như ở khung bài học .
- HS : SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- Gọi 2 HS lên bảng làm bài -Viết số thích hợp vào chỗ 4 dam = ... m 8 hm = ... m	-HS lên bảng chữa bài tập -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	- Nhận xét bài cũ. *Giờ học hôm nay chúng ta được học bảng đơn vị đo độ dài từ lớn đến nhỏ.	
12-14'	2.Giới Thiệu bảng đơn vị đo độ dài. -Thuộc bảng đơn vị đo độ dài theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến nhỏ. - Biết mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài thông dụng(km v m ; m v mm).	- Treo bảng phụ đ kẻ - Y/c HS nêu tn các đơn vị đo độ dài đ học. - Nêu: trong các đơn vị đo độ dài thì mét được coi l đơn vị cơ bản (viết mét vào bảng đơn vị đo độ dài). - Lớn hơn mét có những đơn vị đo nào? - Ta sẽ viết các đơn vị này vào phía tay tri của cột mét. - Trong các đơn vị đo độ dài lớn hơn mét, đơn vị nào gấp mét 10 lần? - Viết đề- ca- mét vào cột ngay bán tri của cột mét v viết 1 dam = 10m xuống định dưới. - Đơn vị nào gấp mét 100 lần? - Viết hc-tô- mét v kí hiệu hm vào bảng. - 1hm bằng bao nhiêu dam? - 1 hm = 10 dam = 100 m - Tiến hành tương tự với các	-HS lắng nghe - Một số HS trả lời có thể trả lời không theo thứ tự. - Lớn hơn mét có những đơn vị đo km, hm, dam. - Trong các đơn vị đo độ dài lớn hơn mét, đơn vị dam gấp mét 10 lần. - Đọc 1 dam bằng 10 m. - Đơn vị hm gấp mét 100 lần. - 1hm bằng 10 dam.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
13-15'	<p><u>3.Thực hành</u> <u>Bài 1</u> -Biết đổi từ đơn vị lớn sang đơn vị nhỏ v ngược lại</p> <p><u>Bài 2</u> -Biết đổi từ đơn vị lớn sang đơn vị nhỏ v ngược lại</p> <p><u>Bài 3</u> - Làm được tính với các số đo độ dài.</p>	<p>đơn vị còn lại để hỗn thành bảng đơn vị đo độ dài. - HS đọc các đơn vị đo độ dài từ lớn đến b, từ b đến lớn.</p> <p>- Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Tiến hành tương tự bài 1. -Gọi HS lên bảng chữa -GV nhận xét chữa sai</p> <p>- Viết lên bảng $32\text{dam} \times 3 = \dots$. v hỏi:Muốn tính 32 dam nhân 3 ta làm như thế nào? - Hướng dẫn tương tự với phép tính $96\text{cm} : 3 = 32\text{cm}$. - Chữa bài, nhận xét - HS đọc lại bảng đơn vị đo độ dài. - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>-HS học thuộc lòng bảng đơn vị đo độ dài</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp vào vở bài tập. $1\text{km} = 10\text{hm}$ $1\text{m} = 10\text{dm}$ $1\text{km} = 100\text{m}$ $1\text{m} = 100\text{cm}$ $1\text{hm} = 10\text{dam}$ $1\text{m} = 1000\text{mm}$</p> <p>- 2 HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài</p> <p>-HS tự làm rồi lên bảng chữa $8\text{hm} = 800\text{m}$ $8\text{m} = 80\text{dm}$ $9\text{hm} = 900\text{m}$ $6\text{m} = 600\text{cm}$ $7\text{dam} = 70\text{m}$ $8\text{cm} = 80\text{mm}$</p> <p>- Ta lấy 32 nhân 3 bằng 96, viết 96 sau đó viết kí hiệu đơn vị 1 dam vào sau kết quả. - 2 em lên bảng làm bài $25\text{m} \times 2 = 50\text{m}$ $36\text{hm} : 3 = 12\text{hm}$</p> <p>- Nhận xét bài bạn làm -HS đọc lại bảng đơn vị đo độ dài</p>
3-4'	<p><u>4.Củng cố</u> <u>dẫn di</u></p>		

CHÍNH TẢ

Tiết 18: KIỂM TRA ĐỊNH KỲ LẦN I
 (Đề do trường ra)

Thứ su ngày 9 tháng 11 năm 20..

TẬP LÀM VĂN

Tiết 9: THAI KIỂM TRA GIỮA KỲ I
 (Đề do trường ra)

TOÁN

Tiết 45: **LUYỆN TẬP**

I. Mục tiêu:

1.Kiến thức:

- Bước đầu Biết đọc, viết số đo độ dài có hai tn đơn vị đo

- Biết cách đổi số đo độ dài có hai tn đơn vị đo thành số đo độ dài có một tn đơn vị đo (nhỏ hơn đơn vị đo còn lại)

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng làm phép cộng, phép trừ có tn đơn vị đo độ dài. So sánh các độ dài

3. Thái độ.

- Yêu thích v ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: Bảng phụ , phấn màu.

- HS : SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- Gọi 2 HS lên bảng làm bài. - Viết số thích hợp vào chỗ ... 1 hm = ... dam 3 hm = ... m 5 m = ... cm 1 km = ... hm	-HS lên chữa bài -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	- GV nhận xét bài cũ. * Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập bảng đơn vị đo độ dài	-HS lắng nghe
28-30'	2. Luyện tập về số đo có hai đơn vị đo Bài 1. - Biết cách đổi số đo độ dài có hai tn đơn vị đo thành số đo độ dài có một tn đơn vị đo	- Vẽ lên bảng đoạn thẳng AB dài 1m 9cm v Y/c HS đo độ dài đoạn thẳng này bằng thước mét. - Đoạn thẳng AB dài 1m v 9cm ta có thể viết tắt 1m v 9cm l 1m 9cm v đọc l 1 mét 9 xăng-ti-mét. - Viết lên bảng 3m2dm = ... dm v Y/c HS đọc. - Muốn đổi 3m2dm thành dm ta thực hiện như sau: + 3m bằng bao nhiêu dm? + vậy 3m2dm bằng 30dm cộng 1dm bằng 32dm. - Vậy khi Muốn đổi số đo có hai đơn vị thành số đo có một đơn vị nào đó ta đổi từng thành phần của số đo có hai đơn vị ra đơn vị cần đổi, sau đó cộng các thành phần đ được đổi với nhau. - Y/c HS tiếp tục làm các phần	- Đoạn thẳng AB dài 1m v 9cm. - Đọc: 1 mét 9 xăng-ti-mét. - Đọc: 3 mét 2 đề-xi-mét bằng . . . đề-xi-mét. - 3m bằng 30dm. - Thực hiện phép cộng 30dm + 2dm = 32dm. - 1 em lên bảng làm bài 3m 2cm = 302 cm 4m 7dm = 47 dm 4m 7cm = 407 cm 9m 3cm = 903 cm 9m 3dm = 93 dm - Khi thực hiện các phép tính với các đơn vị đo ta cũng thực hiện bình thường như với các số

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p><u>Bài 2.</u> -Biết cộng, trừ có tn đơn vị đo độ dài.</p> <p><u>Bài 3.</u> - Biết so sánh các độ dài dựa vào số đo của chúng</p> <p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn đi</u></p>	<p>còn lại của bài</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng làm bài 2, sau đó chữa bài. Khi chữa bài Y/c HS nêu cách thực hiện tính với các đơn vị đo.</p> <p>- Gọi HS đọc Y/c bài</p> <p>- Viết lên bảng $6m\ 3cm \dots 7m$, Y/c HS suy nghĩ v cho kết quả so sánh.</p> <p>- Y/c HS tự làm tiếp bài.</p> <p>- Gọi HS nhận xét bài bạn.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- HS đọc lại bảng đơn vị đo độ dài.</p> <p>- Về nh luyện tập thêm về chuyên đổi các đơn vị đo độ dài.</p> <p>- chuẩn bị bài sau : Thực hành đo độ dài.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>	<p>tự nhiên, sau đó ghi tn đơn vị vào kết quả.</p> <p>- Làm bài theo Y/c</p> <p>a) $8\ dam + 5dam = 13\ dam$ $57\ hm - 28\ hm = 29\ hm$ $12\ km \times 4 = 48\ km$</p> <p>b) $720\ m + 43\ m = 763\ m$ $403\ cm - 52\ cm = 351\ cm$ $27\ mm : 3 = 9\ mm$</p> <p>- So sánh các số đo độ dài v điền dấu so sánh vào chỗ chấm.</p> <p>- $6m\ 3cm < 7\ m$ vì $6\ m < 7\ m$ vì $6\ m < 7\ m$ không đủ để thành $7\ m$. (hoặc $6m\ 3cm = 306\ cm, 7\ m = 700\ cm, m\ 603\ cm < 700cm$).</p> <p>Nhận xét bài bạn</p> <p>-HS đọc bài</p>

Tuần 10: Thứ hai ngày 12 tháng 11 năm 20..

Tiết 46: **TOÁN**
THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức:

- Biết dùng thước v bài tập để vẽ các đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết cách đo một độ dài, Biết đọc kết quả đo độ dài những vật gần gũi với HS

2. Kỹ năng:

- Biết dùng mắt ước lượng độ dài một cách tương đối chính xác.

3. Thái độ.

- Gio dục HS yêu thích v ham học toán, tính cẩn thận chính xác .

II. Đồ dùng.

- GV: Thước thẳng HS v thước mét.
- HS : Thước kẻ, SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS								
3-4'	<u>A.KTBC</u>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào bảng con. - Điền số vào chỗ chấm: $5\text{cm}2\text{mm} = \dots \text{mm}$ $4\text{m}8\text{dm} = \dots \text{dm}$ $3\text{km}2\text{m} = \dots \text{dm}$ - GV chữa bài, nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> -HS lên bảng làm -HS khác nhận xét 								
1'	<u>B.Bài mới</u> <u>1.GTB</u>	*Giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục thực hành đo độ dài.	-HS lắng nghe								
28-30'	<u>2.Luyện tập</u> <u>Bài 1.</u> -Biết cách vẽ các đoạn thẳng có độ dài cho trước	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Y/c HS nhắc lại cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Y/c cả lớp thực hành vẽ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hãy vẽ các đoạn thẳng có độ dài được nêu trong bảng sau: <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Đoạn thẳng</th> <th>Độ dài</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>AB</td> <td>7cm</td> </tr> <tr> <td>CD</td> <td>12cm</td> </tr> <tr> <td>EG</td> <td>1dm2cm</td> </tr> </tbody> </table>	Đoạn thẳng	Độ dài	AB	7cm	CD	12cm	EG	1dm2cm
Đoạn thẳng	Độ dài										
AB	7cm										
CD	12cm										
EG	1dm2cm										
	<u>Bài 2.</u> -Biết cách đo rồi đọc kết quả đo.	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập 2 Y/c chúng ta làm gì? - Đưa ra chiếc bài tập chì của mình v Y/c HS nêu cách đo chiếc bài tập chì này. - HS tự làm các phần còn lại, - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Chấm một điểm đầu đoạn thẳng, đặt điểm O của thước trùng với điểm vừa chọn, sau đó tìm vạch chỉ số đo của đoạn thẳng trên thước, chấm điểm thứ hai, nối hai điểm ta được đoạn thẳng có độ dài cần vẽ. - Vẽ hình, sau đó hai HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Bài tập Y/c chúng ta đo độ dài của một số vật: chiếc bài tập chì, chn bán học, mp bán học. - Đặt một đầu bài tập chì trùng với điểm O của thước. Cạnh bài tập chì thẳng với cạnh của thước. Tìm điểm cuối của bài tập chì ứng với điểm nào trên thước. Đọc số đo ứng với điểm cuối của bài tập chì. 								
	<u>Bài 3.</u> -Biết cách ước lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát lại thước mét để có biểu tượng vững chắc về độ dài 1 mét. - HS ước lượng độ cao của bức tường lớp. (HD: so sánh độ cao này với chiều dài của thước một 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành đo v bo co kết quả trước lớp. - Quan sát thước mét. -HS ước lượng v trả lời. 								

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	3.Củng cố dẫn di	mét xem được khoảng mấy thước). - Ghi tất cả các kết quả m HS bỏ vào lên bảng, sau đó thực hiện phép đo để kiểm tra kết quả. - Tuyên dương những HS ước lượng tốt. -Về tập tập đo các đồ dùng của gia đình mình - Chuẩn bị thước mét v ke cỡ to. - GV nhận xét tiết học.	-HS lắng nghe -HS lắng nghe

TOÁN

Tiết 47: **THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI (tiếp theo)**

I. Mục tiêu.

1.Kiến thức:

- Biết cách đo v cách ghi v đọc kết quả đo độ dài.
- Biết so sánh các độ dài.

2.Kỹ năng:

- Đọc thành thạo chiều cao v cách (đo chiều cao của người).

3.Thái độ.

- Giáo dục HS yêu thích v ham học toán, tính cẩn thận chính xác .

II. Đồ dùng.

- GV: Thước mét v ke cỡ to.
- HS : Thước kẻ, SGK, Vở Bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	- Gọi HS bỏ vào kết quả về thực hành đo độ dài của: + Chiều dài v chiều rộng của giường ngủ. +Chiều cao của bán uống nước - Vẽ đoạn thẳng: $AB = 5\text{cm}$ $MN = 7\text{cm}$	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét
1'	B.Bài mới 1.GTB	-GV chữa bài, nhận xét *Giờ học hôm nay chúng ta tiếp tục thực hành đo độ dài.	-HS lắng nghe
28-	2.Luyện tập	- GV đọc mẫu định đầu, sau đó	- 4 HS nối tiếp nhau đọc trước

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
30'	<p>Bài 1. -Biết cách đọc số đo của các bạn, Biết bạn nào cao nhất bạn nào thấp nhất</p> <p>Bài 2. -Biết đo v đọc kết quả đo của các bạn trong tổ mình</p>	<p>Y/c HS tự đọc các định sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS đọc cho các bạn bên cạnh nghe. - Nêu chiều cao của bạn Minh, bạn Nam? - Muốn Biết bạn nào cao nhất ta phải làm thế nào? - Có thể so sánh như thế nào? <p>- Y/c HS thực hiện so sánh như một trong hai cách trên.</p> <p>- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 6 em.</p> <p>- Hướng dẫn các bước làm bài: + Ước lượng chiều cao của từng bạn trong nhóm v xếp theo thứ tự từ cao đến thấp. + Đo để kiểm tra lại sau đó viết vào bảng tổng kết.</p> <p>- Trước khi cho HS thực hành đo theo nhóm, gọi 1 đến 2 HS lên bảng đo chiều cao của HS trước lớp. Vừa đo vừa giải thích cách làm cho HS Biết.</p> <p>- Y/c các nhóm báo cáo kết quả. Nhận xét v tuyên dương các nhóm thực hành tốt giữ trật tự.</p> <p>- Gọi 2 em bất kì lên bảng Y/c HS đo chiều cao rồi đọc kết quả đo v so sánh cao thấp</p>	<p>lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS ngồi cạnh nhau đọc cho nhau nghe. - Bạn Minh cao 1 mét 25 xăng ti mét. - Bạn Nam cao 1 mét 15 xăng ti mét. - Ta phải so sánh số đo chiều cao của các bạn với nhau. - Đổi tất cả các số đo ra đơn vị xăng ti mét rồi so sánh. - Số đo chiều cao của các bạn đều gồm 1 mét v một số xăng ti mét vậy chỉ cần so sánh các số đo xăng ti mét với nhau. - So sánh v trả lời: + Bạn Hương cao nhất. + bạn Nam thấp nhất. - Theo dõi sự hướng dẫn <p>- HS thực hành theo nhóm. -Các nhóm nhận xét lẫn nhau</p>
3-4'	<p><u>3.Củng cố</u> <u>dẫn di</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nh luyện tập đo v so sánh các số đo độ dài của các người trong gia đình mình. - Chuẩn bị bài : Luyện tập chung. - GV nhận xét tiết học. 	<p>-HS lên đo rồi đọc chiều cao</p> <p>-HS lắng nghe</p>

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
----	----------	-------------------------	------------------

.....

Tiết 48: **TOÁN**
LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết nhân, chia trong phạm vi bảng tính đ học.
- Biết đổi số đo độ dài có 2 tn đơn vị đo thành số đo độ dài có 1 tn đơn vị đo.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán :“Gấp một số lên nhiều lần”

3. Thái độ.

- Giáo dục HS yêu thích v ham học toán, tính cẩn thận chính xác .

II. Đồ dùng.

- GV: Thước đo độ dài, phấn màu.
- HS : SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<u>A.KTBC</u>	- Gọi 1 nhóm HS lên bảng Y/c HS đo chiều cao rồi so sánh. - Nhận xét cho điểm	-HS lên bảng làm bài -HS khác nhận xét
1'	<u>B. Bài mới</u> <u>1.GTB</u>	* Giờ học hôm nay chúng ta đi luyện tập chung. - Y/c HS tự làm bài. - Chữa bài, nhận xét	-HS lắng nghe
28-30'	<u>2.Luyện tập</u> <u>Bài 1.</u> -Biết cách nhân, chia nhằm trong bảng <u>Bài 2.</u> -Biết cách nhân, chia số có 2 chữ số cho số có 1 chữ số <u>Bài 3.</u>	- Gọi 4 HS lên bảng làm bài. - Y/c HS nhắc lại cách tính của một phép tính nhân, một phép tính chia. - Chữa bài, nhận xét - Y/c HS nêu cách làm 4m4dm	- HS Tự làm bài, 2 HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài của nhau. -HS đọc kết quả - Làm bài. 4 HS thực hiện phép tính lên bảng, cả lớp làm vào vở bài tập. -HS làm xong đọc kết quả của mình và nêu cách thực hiện

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	<p>-Biết cách đổi từ 2 tn đơn vị đo thành 1 tn đơn vị đo</p> <p><u>Bài 4.</u> -Biết giải bài toán gấp một số lên nhiều lần</p> <p><u>Bài 5.</u> -Biết cách đo độ dài đoạn thẳng cho trước</p> <p><u>3.Củng cố dẫn di</u></p>	<p>= ... dm.</p> <p>- Y/c HS làm tiếp các phần còn lại.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán thuộc dạng toán gì?</p> <p>- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào?</p> <p>- Y/c HS làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Y/c HS đo độ dài đoạn thẳng AB.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào?</p> <p>- $1m = \dots cm$ $1m = \dots dm$</p> <p>-HS đọc lại bảng nhân, chia 6,7</p> <p>- Về nh ôn tập các nội dung đ học để kiểm tra giữa kì.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Đổi $4m = 40dm$; $40dm + 4dm = 44dm$, vậy $4m4dm = 44dm$.</p> <p>- HS tự làm rồi lên lên bảng, chữa bài tập. $4m4dm = 44dm$ $2m14cm = 214cm$ $1m6dm = 16dm$ $8m32cm = 832cm$</p> <p>-HS đọc y/c bài</p> <p>- Bài toán thuộc dạng gấp một số lên nhiều lần.</p> <p>- Muốn gấp một số lên nhiều lần ta lấy số đó nhân với số lần.</p> <p>- Làm bài, 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.</p> <p><u>Bài giải</u> Số cy tổ Hai trồng được: $25 \times 3 = 75 (cy)$ Đáp số : 75 cy</p> <p>-HS tự đo rồi đọc kết quả</p> <p>- Đoạn thẳng AB dài 12 cm.</p> <p>- Thực hành vẽ, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi cho vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>-HS nêu -HS đọc</p>

TOÁN

Tiết 50:

GIẢI BÀI TOÁN BẰNG HAI PHÉP TÍNH

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

- Bước đầu Biết giải v trình bài toán bằng hai phép tính

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán có lời văn có 2 phép tính nhanh, chính xác

3. Thái độ.

- Gio dục HS yêu thích v ham học toán, tính cậ thận chính xác .

II. Đồ dùng.

- GV: Các hình vẽ tương ứng trong SGK

- HS : SGK, Vở Bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
3-4'	A.KTBC	-Nhận xét bài kiểm tra tiết trước.	-HS lắng nghe
1'	B.Bài mới		
	1.GTB		
	2.Giới	* Giờ học hôm nay chúng ta được học kiến thức mới đó l bài toán: Giải bài toán bằng hai phép tính.	-HS lắng nghe
12-	Thái độ bài		
14'	toán giải		
	bằng hai		
	phép tính.		
	*Bài toán 1:		
	- Biết cách giải v trình bài toán bằng hai phép tính	- Gọi HS đọc đề bài. - Hàng trên có mấy cái kn? - Mơ tả vẽ cái kn bằng hình sơ đồ như phần bài học SGK. - Hàng dưới có nhiều hơn hàng trên mấy cái kn? - Vẽ sơ đồ thể hiện số kn ở hàng dưới. - Hàng dưới có mấy cái kn? - Vì sao để tìm số kn hàng dưới em lại thực hiện phép cộng $3 + 2 = 5$? - Vậy cả hai hàng có mấy cái kn? - Hướng dẫn HS trình bày bài giải như phần bài học SGK.	- 1 em đọc đề bài, - Hàng trên có 3 cái kn. - Theo dài. - Hàng dưới có nhiều hơn hàng trên 2 cái kn. - Theo dài. - Hàng dưới có $3 + 2 = 5$ (cái kn). - Vì hàng trên có 3 cái kn, hàng dưới có nhiều hơn hàng trên ba cái kn, số hn hàng dưới l số lớn, Muốn tính số lớn ta lấy số nhỏ cộng với phần hơn. -Cả hai hàng có $3 + 2 = 5$ (c) - HS trình bày - Theo dài.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
13-15'	<p>* <u>Bài toán 2</u>:</p> <p>- Biết cách giải v trình bài toán bằng hai phép tính</p>	<p>- Vậy ta thấy bài toán này l ghp của hai bài toán,.</p> <p>- Nêu bài toán:</p> <p>- Bể thứ nhất có mấy con c?</p> <p>- Vậy ta vẽ một đoạn thẳng, đặt tn đoạn thẳng l Bể 1 v qui ước đây l 4 con c:</p> <p>- Số c bể 2 ntn so với bể 1?</p> <p>- Hãy nêu cách vẽ sơ đồ</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Hướng dẫn HS viết dấu móc thể hiện tổng số c của cả hai bể để hồn Tháiện sơ đồ sau:</p> <p>- Để tính được tổng số c của cả hai bể ta phải Biết được những gì?</p> <p>- HD HS trình bày bài giải,</p> <p>* Bài toán này được gọi l bài toán giải bằng hai phép tính.</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>-HS vẽ sơ đồ bài toán v trình bày bài giải.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p>	<p>- HS đọc lại đề bài toán.</p> <p>- Bể thứ nhất có 3 con c.</p> <p>- Theo dài.</p> <p>- Số c của bể hai nhiều hơn so với bể 1 l 3 con c.</p> <p>- Bài toán hỏi tổng số c của hai bể.</p> <p>- Theo dài.</p> <p>- Ta phải Biết số c của mỗi bể.</p> <p>- Số c bể 2 l: $4 + 3 = 7(c)$</p> <p>- Hai bể có số c l: $4 + 7 = 11 (con)$.</p> <p>- 1 em đọc đề bài,</p> <p>- Tổng số bưu ảnh của cả hai anh em.</p> <p>- 1 em lên bảng làm,</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p style="text-align: center;">Số bưu ảnh của em l:</p> <p style="text-align: center;">$15 - 7 = 8 (bưu ảnh)$</p> <p style="text-align: center;">Số bưu ảnh của cả hai anh em l:</p> <p style="text-align: center;">$15 + 8 = 23 (bưu ảnh)$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 23 bưu ảnh</p> <p>- 1 em lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>Bao thứ 2 có số gạo l:</p> <p style="text-align: center;">$27 + 5 = 32(kg)$</p> <p>Cả hai bao có số kg l:</p> <p style="text-align: center;">$27 + 32 = 59(kg)$</p> <p style="text-align: center;">Đ/s: 59kg gạo</p>
3-4'	<p><u>Bài 2</u></p> <p>-Biết cách giải bài toán</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>-Biết giải bài toán theo tóm tắt</p> <p><u>4.Củng cố</u> <u>dẫn di</u></p>	<p>- Y/c HS tự làm bài.</p> <p>- Chữa bài, nhận xét</p> <p>- Nêu cách giải bài toán bằng hai phép tính.</p> <p>- Cho HS tự giải rồi lên bảng chữa bài</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>- Nêu cách giải bài toán bằng hai phép tính.</p> <p>-Chuẩn bị bài sau</p> <p>-Nhận xét giờ học</p>	

Tuần 11:

Thứ hai ngày 19 tháng 11 năm 20..

TOÁN

Tiết 51: **GIẢI BÀI TOÁN BẰNG HAI PHÉP TÍNH** (tiếp theo)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Bước đầu Biết giải v trình bày bài toán giải bằng hai phép tính

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán có lời văn.

3. Thái độ.

- Yêu thích v ham học toán, có óc nhạy cảm sáng tạo.

II. Đồ dùng.

- GV: Bảng phụ ,SGK

- HS : SGK, vở bài tập

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
2- 3' 1'	A.KTBC B.Bài mới 1.GTB	- Gọi 1 HS lên giải bài tập - Chữa bài, nhận xét * Giờ học hôm nay chúng ta được tiếp tục học bài toán: Giải bài toán bằng hai phép tính(tiếp theo) * <u>Nêu bài toán:</u>	-HS lên bảng chữa bài -HS khác nhận xét -HS lắng nghe
12- 13'	2. Hướng dẫn giải bài toán bằng hai phép tính -Biết cách giải v trình bày bài toán giải bằng hai phép tính	- Ngày thứ bảy cửa hàng đó bán được bao nhiêu chiếc xe đạp? - Số xe đạp bán được của ngày chủ nhật như thế nào so với ngày thứ bảy? - Bài toán Y/c ta tính gì? - Muốn tìm số xe đạp bán được cả hai ngày ta phải Biết những gì? - Đ Biết số xe của ngày nào? Chưa Biết số xe của ngày nào? - Vậy để giải bài toán này ta phải làm mấy bước? - Cô mời 1 bạn lên bảng giải, cả lớp làm bài vào vở	- 1 HS đọc lại đề bài, - Ngày thứ bảy cửa hàng đó bán được 6 chiếc xe đạp. - Ngày chủ nhật bán được số xe đạp gấp đôi số xe đạp của ngày thứ bảy. - Bài toán Y/c tính số xe đạp cửa hàng bán được trong cả hai ngày. - Ta phải Biết số xe đạp bán được trong mỗi ngày? - Đ Biết số xe đạp bán được của ngày thứ bảy, chưa Biết số xe của ngày chủ nhật. - 2 bước. <u>Bài giải</u> Ngày chủ nhật cửa hàng bán được số xe đạp l: $6 \times 2 = 12$ (xe đạp) Cả hai ngày cửa hàng đó bán được số xe đạp l: $6 + 12 = 18$ (xe đạp) <u>Đáp số</u> 18 xe đạp.
13-	3.Luyện tập	- Gọi HS đọc đề.	- 1 em đọc, cả lớp đọc thầm.